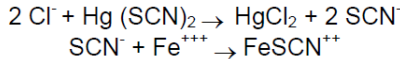


Xác định hàm lượng của ion Clo) - IVD

Lưu trữ ở 2°C-8°C.

NGUYÊN LÝ PHƯƠNG PHÁP ĐO

Sự di chuyển định lượng của thiocyanat bằng clorua từ thulicic thiocyanat và sự hình thành của phức hợp ferric thiocyanate đỏ được đo đặc bằng phương pháp lượng tử:



Cường độ của màu được hình thành tỷ lệ thuận với nồng độ ion Clorua trong mẫu.

Ý NGHĨA LÂM SÀNG

Điều quan trọng là lâm sàng xác định sự điều chỉnh của clorid do áp suất thẩm thấu của dịch tế bào và vai trò quan trọng của nó trong sự cân bằng acid-base. Sự gia tăng nồng độ ion clorua có thể được tìm thấy trong quá trình khử nước nghiêm trọng, ăn quá nhiều clorua, tổn thương ống thận nặng và ở những bệnh nhân bị xơ nang.

Giám nồng độ ion clorua có thể được tìm thấy trong acidosis chuyển hóa, mất mát từ nôn kéo dài và viêm thận thận mạn tính.

Chẩn đoán lâm sàng không nên được thực hiện trên một kết quả kiểm tra đơn lẻ; Cần tích hợp các dữ liệu lâm sàng và các dữ liệu phòng thí nghiệm khác.

HÓA CHẤT

R Thiocyanate-Hg	Mercuric thiocyanate	4 mmol/L
	Iron Nitrate	40 mmol/L
	Mercuric nitrate	2 mmol/L
	Nitric acid	45 mmol/L

THẬN TRỌNG

Ăn mòn (C): R35: Gây ra các vết bỏng nghiêm trọng.

Thủy ngân (II) thiocyanate: Có hại (Xn): R20 / 21/22: Có hại khi hít phải, tiếp xúc với da và nuốt phải. R33: Nguy hiểm của các hiệu ứng tích lũy.

S13: Tránh xa thức ăn, thức uống và thức ăn chăn nuôi. S28:

Sau khi tiếp xúc với da, hãy rửa ngay bằng nhiều nước.

S45: Trong trường hợp tai nạn hoặc nếu bạn cảm thấy không khỏe, hãy tìm lời khuyên y tế ngay lập tức (ghi nhãn nếu có thể). S60: Vật liệu này và thùng chứa phải được xử lý độc hại. S61: Tránh thải ra môi trường. Tham

khảo bảng hướng dẫn đặc biệt / an toàn

CHUẨN BỊ

Tất cả các hóa chất đều đã được sử dụng

LƯU TRỮ & ỔN ĐỊNH

Tất cả các thành phần của bộ hóa chất ổn định cho đến ngày hết hạn sử dụng ghi trên nhãn khi được lưu trữ chặt chẽ, kín ở 2°C-8°C, bảo vệ tránh ánh sáng và ngăn chặn nhiễm bẩn trong quá trình sử dụng.

Không sử dụng hóa chất đã hết hạn sử dụng.

Các dấu hiệu hóa chất bị hư hỏng:

- Xuất hiện các hạt li ti và đục.

- Giá trị hấp thụ trắng (blank) (A) ở bước sóng 505 nm > 0.15

THIẾT BỊ PHỤ TRỢ

- Máy sinh hóa tự động BS100, BS200, SPIN 200E

- Các thiết bị phòng xét nghiệm thường quy khác

MẪU ĐO

- Huyết thanh, huyết tương, CSF, mô hôi và các chất dịch cơ thể khác 1,2: Không tan máu và tách ra khỏi tế bào càng nhanh càng tốt.

Thuốc chống đông như oxalate hoặc EDTA không chấp nhận được, chúng sẽ cản trở kết quả.

- Nước tiểu 1: Lấy mẫu nước tiểu 24 giờ trong hộp chứa không chứa clo.

Pha loãng mẫu 1/2 trong nước cất. Pha trộn. Nhân kết quả bằng 2 (hệ số pha loãng).

Độ ổn định của mẫu: Ion clorua ổn định trong vòng 1 tuần ở nhiệt độ phòng (15-25°C), trong tủ lạnh (2-8°C) hoặc nhiệt độ đông lạnh (-20°C).

CÀI ĐẶT TRÊN MÁY BS120, BS200, SPIN 200E

<u>PARAMETERS</u>			
Test	CL / CL	R1	300 / 300
Nº	**	R2	*
Full Name	CL / CL	Sample volume	3 / 3
Standard Nº		R1 Blank	
Reac. Type	Endpoint / Endpoint	Mixed Rgt Blank	
Pri. Wavelength	510 / 505	Linearity Range	0 mmol/L 130 mmol/L
Sec. Wavelength		Linearity Limit	*
Direction	Increase / Increase	Substrate Limit	*
Reac. Time	1_17 / 0_17	Factor	*
Incuba. Time		Prozone check	*
Units	mmol/L / mmol/L	q1	q2
Precision	Interger / Interger	q3	q4
		PC	Abs
<u>CALIBRATION (Cal + Rgt Blk)</u>			
Rule	One-point Linear / Two-point Linear		
Sensitivity	1 / 1		
Replicates	2 / 2		
Interval (days)	0 / 0		
Difference Limit			
SD			
Blank Response			
Error Limit			
Correlation Coefficient			

Thông số blank phải được thực hiện để có được kết quả tốt trong màn hình CAL từ menu chính. Việc hiệu chuẩn blank là ổn định cho đến 35 ngày. Sau khoảng thời gian này, các tham số blank phải được thực hiện một lần nữa để xác nhận hiệu chuẩn

GIÁ TRỊ THAM KHẢO

Serum or plasma:	95 - 115 mmol/L	CSF:	95 - 110 mmol/L
Urine:	110 - 250 mmol/24h	Sweat:	Up to 60 mmol/L

QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Huyết thanh mẫu chuẩn được khuyến cáo theo dõi hiệu suất của xét nghiệm: SPINTROL H Normal và Pathologic (Ref. 1002120 và 1002210).

Nếu giá trị kiểm chuẩn nằm ngoài dải cho phép, kiểm tra lại thiết bị, hóa chất, và chất hiệu chuẩn.

Mỗi phòng xét nghiệm nên thiết lập kế hoạch kiểm soát chất lượng riêng và phương án hiệu chỉnh nếu giá trị kiểm chuẩn không nằm trong dải cho phép.

GHI CHÚ

1. Bạn nên sử dụng vật liệu dùng một lần. Nếu sử dụng dụng cụ thủy tinh, nên làm sạch vật liệu bằng dung dịch H2SO4 - K2Cr2O7 và sau đó rửa lại bằng nước cất.

2. Tránh tiếp xúc với vật liệu kim loại.

3. Sử dụng pipette sạch dùng một lần cho đợt phân phát.

SÁCH CHUYÊN ĐỀ

1. Miller W.G. Chloride. Kaplan A et al. Clin Chem The C.V. Mosby Co. St Louis. Toronto. Princeton 1984; 1059-1062 and 417.

2. Ibbott F A. et al. New York Academic Press 1965: 101-111.

3. Schoenfeld R G et al. Clin Chem 1964 (10): 533-539.

4. Levinson S S. et al. In Faulkner WR et al editors. (9) AACC 1982: 143-148.

5. Young DS. Effects of drugs on Clinical Lab. Tests, 4th ed AACC Press, 1995.

6. Young DS. Effects of disease on Clinical Lab. Tests, 4th ed AACC 2001.

7. Burtis A et al. Tietz Textbook of Clinical Chemistry, 3rd ed AACC 1999.

8. Tietz N W et al. Clinical Guide to Laboratory Tests, 3rd ed AACC 1995

ĐÓNG GÓI

Ref: MI1001360

Cont.

R: 6 x 30 mL